TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đ, sinh năm 1982; Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị L, sinh năm 1982; Vắng mặt không lý do.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Anh Đ và chị L cưới nhau năm 2003, đến ngày 30/5/2011 đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng nên sống ly thân từ Tết Nguyên Đán đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn, con đã lớn theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng.

- *Bị đơn là chị L vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ, giao Q cho anh Đ nuôi, giao L1 cho chị L nuôi; không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đ yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng bị đơn.

[2] Năm 2011 anh Đ và chị L đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, chị L vắng mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn được. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[3] Anh chị có 02 người con chung là Q, sinh ngày 16/9/2004 và L1, sinh ngày 20/8/2006. Hiện tại sống bên anh Đ, cháu L1 có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L1 cho chị L nuôi, giao cháu Q cho

anh Đ nuôi. Anh chị không yêu cầu cấp dưỡng và giải quyết tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị L. Anh Đ được ly hôn với chị L.

2- Về con chung: Giao Q, sinh ngày 16/9/2004 cho anh Đ nuôi và giao L1, sinh ngày 20/8/2006 cho chị L nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi.

3- Về án phí sơ thẩm: Anh Đ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005371 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận